

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2021/HS-ST
Ngày: 23-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến.

Ông Trịnh Xuân Tính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 27/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn T; Sinh năm:1999;Nơi cư trú:Thôn Minh T3, xã Qu, TP. S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do ;Văn hoá: 9/12 ;Quốc tịch: Việt Nam;Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;Con ông: Lê Văn H (Đã chết); Con bà: Dư Thị H1;Gia đình có 2 anh em, T là con đầu; Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 04/02/2020 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Chấp hành xong án tù ngày 24/8/2020. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: : Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1966. (đã chết)

Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1967 (Vợ ông H). Vắng mặt

Địa chỉ: Phố L, phường Đ, TP Th, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Lê Thị H1 (vợ ông H).

Bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Ph, sinh năm: 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Nh, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Phạm Văn T4, sinh năm: 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 5, phường Quảng C, TP Th, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T và chị Ph đã có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên chiều ngày 05/4/2021, Lê Văn T nhắn tin điện thoại rủ Lê Công Đ đi trộm cắp chó và hẹn gặp Đ tại nhà anh Phạm Văn Thanh, sinh năm 1984, trú tại thôn 5, phường Quảng C, TP. Th, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng 20h cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô Honda Blade màu trắng đen, biển kiểm soát 36B5- 614.85 đến nhà anh T4. Tại nhà anh T4, khi không có ai ở nhà, T lấy tại bếp nhà anh Thanh 01 chiếc bì nylon màu đỏ bên trong có 01 súng bắn cao su, 01 mũi tên tự chế và 01 cuộn băng dính của anh T4 mang theo làm công cụ đi trộm cắp. Khi Đ đến nhà anh T4 gặp T, T tháo biển số xe mô tô và điều khiển xe chở Đ ngồi sau đi đến khu vực thành phố Th.

Khoảng 22h cùng ngày, khi T và Đ đi đến khu vực bãi đất trống phố L, phường Đ, TP. Th phát hiện thấy 01 con chó màu đen của gia đình anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H1, sinh năm: 1967 trú tại phố L, phường Đ, TP. Th, con chó đang thả dõn diện nhà anh H, không có người trông giữ, Đ xuống xe máy tiến lại gần dùng súng bắn tên tự chế bắn con chó bị thương, rồi nhanh chóng mang chó lên xe và tẩu thoát. Khi đi đến đường D, phường Đ, TP. Th, Đ bị chó cắn vào tay trái nên T dừng xe lại đổi Đ điều khiển xe và T xuống xe, khi T cho chó vào bì thì bị anh H đuổi tới vây bắt, Đ nhanh chóng lên xe tẩu thoát còn T cùng tang vật bị bắt giữ và báo cáo Công an phường Đ; Tổ công tác Công an phường Đ đưa T cùng tang vật về trụ sở Công an phường Đ, TP. Th lập biên bản sự việc. Theo báo cáo của anh H, giá trị con chó khoảng 1.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 55/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 con chó màu đen, nặng 17,5kg có giá trị: 1.575.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/4/2021, Công an phường Đ, TP. Th bàn giao lại con chó cho anh Nguyễn Trọng H chăm sóc, quản lý; Anh H đã nhận lại tài sản. Sau khi nhận lại tài sản gia đình anh H không có yêu cầu, đề nghị gì về phần bồi thường dân sự.

Về vật chứng thu giữ: Đối với 01 chiếc bì nylon màu đỏ, 01 mũi tên tự chế và 01 cuộn băng dính là công cụ, Phương tiện Lê Văn T và Lê Công Đ dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, quá trình khi bị vây bắt, đã bị rơi trên đường Dã Tượng, phường Đ, Thành phố Th. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Th đã tiến hành truy tìm, xác minh nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc súng cao su là công cụ, Phương tiện phạm tội hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Th chờ xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại Lê Văn T dùng để nhắn tin rủ Lê Công Đ đi trộm cắp tài sản, do T đã làm mất chiếc điện thoại trên nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Th không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 36B5- 614.05, nhãn hiệu Honda BLaDe, màu Trắng đen mà T và Đ sử dụng làm Ph tiện đi trộm cắp thuộc quyền sở hữu của chị Lê Thị Ph, địa chỉ: Thôn 1, Quảng N, Q, Thanh Hóa. Chị Ph cho Đ mượn xe nhưng không biết việc Đ sử dụng xe để trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe trên và chị Ph không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Qua lời khai của Lê Văn T các vật chứng các bị cáo lấy tại nhà anh Phạm Văn T4 dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản. Anh T4 không biết các bị cáo lấy những vật dụng này để trộm cắp tài sản và cũng không có tài liệu căn cứ nào chứng minh anh T4 biết bị cáo T lấy các vật dụng này tại nhà anh để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy không có căn cứ để xử lý với anh Phạm Văn T4. Anh T4 cũng không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự và đề nghị không nhận lại các vật chứng T, Đ đã lấy tại nhà anh để đi trộm cắp.

Đối với Lê Công Đ hiện không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Th tiến hành truy nã, tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với Lê Công Đ, khi nào bắt được sẽ tiến hành phục hồi xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 298/CTr-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm Sát . Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra và các vật chứng thu được trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 05/4/2021, tại khu vực bãi đất trống phố Lai Thành, phường Đ, TP Th. Lê Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 con chó màu đen của gia đình ông Nguyễn Trọng H, bà Lê Thị H1 trị giá 1.575.000 đ (một triệu năm trăm bảy lăm nghìn đồng).

Ngày 01/10/2019 bị cáo Lê Văn T bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 BLHS, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2020, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 1.575.000 đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS như đề nghị của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe và có khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội. Nhưng chỉ muốn hưởng lợi không bằng sức lao động của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện bị cáo là người rất liều lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến T hình an ninh chính trị tại địa Ph. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò đồng phạm: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn bởi T và Đ đều cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công nhiệm vụ, bàn bạc. Tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp liên lạc với Đ rủ đi trộm cắp, chuẩn bị công cụ phạm tội nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn Lê Công Đ.

Do Lê Công Đ hiện không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Th tiến hành truy nã, tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra và sẽ tiến hành phục hồi xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[5] Xét T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo khi phạm tội đang có tiền án chưa được xóa án tích nhưng là T tiết định tội nên không phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo. Vì vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm, sớm trở thành công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình ông Nguyễn Trọng H, bà Lê Thị H1 đã nhận lại tài sản (con chó) bị mất và không yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữ bị cáo và các bị hại đã được giải quyết xong.

Anh Phạm Văn Thanh cũng đề nghị không nhận lại các vật chứng các bị cáo dùng làm Ph tiện trộm cắp đã lấy tại nhà anh và cũng không đề nghị bị cáo bồi thường về dân sự đối với các vật chứng trên. Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và anh Thanh đã được giải quyết xong.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 đoạn kim loại cũ gỉ, có thân dài 25cm, được hàn nối tay bằng kim loại dài 9,5 cm (Hình dáng súng tự chế) hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 17/2022/THA ngày 04/11/2021. Đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào Điều 47, Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 47 BLHS; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 ; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án, phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã giải quyết xong

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn kim loại cũ gỉ, có thân dài 25cm, được hàn nối tay bằng kim loại dài 9,5 cm (Hình dáng súng tự chế) hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 17/2022/THA ngày 04/11/2021

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Thi hành án HS, DS TP Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long